TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/DS-ST
Ngày: 23/5/2024
V/v "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng (vay tài sản)".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Quốc Tiến;

2. Bà Nguyễn Thị Phượng;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vào ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 847/2023/TLST-DS, ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng (sự vay tài sản)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2023/QĐXXST-DS ngày 05/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 191/2024/QĐST-DS ngày 25/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần K**;

Địa chỉ: số D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Ngọc M – Chức vụ: Tổng giám đốc.

TUQ. Tổng giám đốc: Ông Lê Trung V – Chức vụ: Phó tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Trung V là ông Lê Minh V1, sinh năm 1983. Địa chỉ: số C, L, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: 2.1. Anh **Trần Văn Ú**, sinh năm 1998;

2.2. Chị **Phạm Thị Cẩm N**, sinh năm 1998;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. *(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 14/8/2023, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 19/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện nguyên đơn là ông Lê Minh V1 trình bày:

Anh Trần Văn Ú và chị Phạm Thị Cẩm N có đến Ngân hàng thương mại cổ phần K – Chi nhánh Đ (gọi tắt là Ngân hàng K) vay tổng số tiền 105.000.000 đồng

theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: LV 04018/HĐTD-CC ngày 15/4/2022 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng K với anh Ú và chị N.

- Số tiền vay: 45.000.000 đồng
- Mục đích vay: Mua bán nhỏ
- Thời hạn cho vay: 180 ngày
- Ngày giải ngân: 15/4/2022
- Lãi suất vay: 16 %/năm
- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Hình thức thanh toán: trả góp lãi và vốn hàng ngày từ ngày 16/4/2022 đến 12/10/2022.

Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: LV 04022/HĐTD-CC ngày 05/5/2022 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng K với anh Ú và chị N.

- Số tiền vay: 60.000.000 đồng
- Mục đích vay: Mua bán nhỏ
- Thời hạn cho vay: 180 ngày
- Ngày giải ngân: 05/5/2022
- Lãi suất vay: 16 %/năm
- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Hình thức thanh toán: trả góp lãi và vốn hàng ngày từ ngày 06/5/2022 đến 01/11/2022.

Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm: 01 xe máy 2 bánh nhãn hiệu Honda (Sonic); số máy KB11E1165534; số khung 1114JK165551; dung tích 149; màu sơn đen đỏ; biển số đăng ký 66F1-658.43; chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 050551 do Công an huyện C cấp ngày 06/11/2018 do anh Trần Văn Ú đứng tên. 01 xe máy 2 bánh nhãn hiệu Honda (SH Mode); số máy JK01E0126426; số khung RLHJK0103MZ005983; màu sơn đen đỏ; biển số đăng ký 66F1-904.24; chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 66003863 do Công an huyện C cấp ngày 24/3/2021 do chị Phạm Thị Cẫm N đứng tên.

Trong quá trình vay vốn, anh Ú và chị N liên tục vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ cho Ngân hàng K khi đến hạn. Ngân hàng K đã nhiều lần thông báo nhắc nhở đến hạn thanh toán.

Tạm tính đến ngày 31/7/2023, anh Ú và chị N còn nợ Ngân hàng K tổng số tiền cụ thể là: 77.583.333 đồng nợ gốc chưa thanh toán của hợp đồng số LV04018/HĐTD-CC và hợp đồng số LV04022/HĐTD-CC, tiền lãi phải trả chưa thanh toán 6.121.644 đồng , tiền lãi nợ quá hạn 14.273.534 đồng , tổng cộng 97.978.511 đồng.

Nay, Ngân hàng K yêu cầu anh Trần Văn Ú và chị Phạm Thị Cẫm N trả cho Ngân hàng K tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2023 là 97.978.511 đồng và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 01/8/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng K yêu cầu anh Trần Văn Ú và chị Phạm Thị Cẫm N trả cho Ngân hàng K tổng số tiền là 113.129.580 đồng, trong đó: Nợ gốc chưa thanh toán là 77.583.333 đồng , tiền lãi trong hạn chưa thanh toán 6.121.644 đồng, tiền lãi nợ quá hạn 29.424.603 đồng. Lãi chậm thi hành án Ngân hàng K yêu cầu theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ngân hàng K không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Bị đơn là anh Trần Văn Ú và chị Phạm Thị Cẫm N đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng K yêu cầu anh Trần Văn Ú và chị Phạm Thị Cẫm N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng K tổng số tiền là 113.129.580 đồng, trong đó: Nợ gốc chưa thanh toán là 77.583.333 đồng, tiền lãi trong hạn chưa thanh toán 6.121.644 đồng, tiền lãi nợ quá hạn 29.424.603 đồng. Lãi chậm thi hành án Ngân hàng K yêu cầu theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng (vay tài sản)" theo quy định tại Khoản 3, Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Văn Ú và chị Phạm Thị Cẫm N có nơi cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Sự có mặt của đương sự: anh Trần Văn Ú và chị Phạm Thị Cẫm N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn Ú và chị Phạm Thị Cẫm N.

Về nội dung tranh chấp:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K, Hội đồng xét xử nhận định: Tại phiên tòa, Ngân hàng K yêu cầu anh Ú, chị N trả cho Ngân hàng K tổng số tiền là 113.129.580 đồng, trong đó: nợ gốc chưa thanh toán là 77.583.333 đồng, tiền lãi trong hạn chưa thanh toán 6.121.644 đồng, tiền lãi nợ quá hạn 29.424.603 đồng.

Lãi chậm thi hành án Ngân hàng K yêu cầu theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ bởi lẽ: Vào ngày 15/4/2022, anh Trần Văn Ú và chị Phạm Thị Cẩm N có ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: LV04018 ngày 15/4/2022 và hợp đồng số: LV04022 ngày 05/5/2022 với Ngân hàng K vay số tiền là 77.583.333 đồng; thời hạn vay 180 ngày; mục đích vay mua bán nhỏ. Việc anh Ú, chị N ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố các ngày 15/4/2022, ngày 05/5/2022 là tự nguyện, không bị ai ép buộc.

[5] Từ khi vay cho đến thời điểm Ngân hàng K nộp đơn khởi kiện anh Ú, chị N không trả tiền vốn, tiền lãi cho Ngân hàng K như đã thỏa thuận và Ngân hàng K đã nhiều lần yêu cầu anh Ú, chị N trả nợ nhưng anh Ú, chị N vẫn không trả. Do đó, Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu anh Ú, chị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng K số tiền vốn vay còn nợ 77.583.333 đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên chấp nhận

[6] Về tiền lãi: Ngân hàng K yêu cầu anh Ú, chị N trả tiền lãi trong hạn chưa thanh toán 6.121.644 đồng (lãi suất 16%/năm), tiền lãi nợ quá hạn 29.424.603 đồng (lãi suất 24%/năm). Đại diện Ngân hàng cho rằng các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn 16%/năm và lãi suất quá hạn 24% năm là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 1 Điều 13 của Thông tư số 39 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1. Anh Ú, chị N đã biết được nội dung khởi kiện của Ngân hàng K, nhưng vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án về nội dung khởi kiện của Ngân hàng K. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng K, buộc anh Ú, chị N có nghĩa vụ trả tiền lãi trong hạn chưa thanh toán 6.121.644 đồng, tiền lãi nợ quá hạn 29.424.603 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 13 của Thông tư số 39 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1.

[7] Từ những nhận định trên căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 buộc anh Trần Văn Ú, chị Phạm Thị Cẩm N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng K nợ gốc chưa thanh toán là 77.583.333 đồng, tiền lãi trong hạn chưa thanh toán 6.121.644 đồng, tiền lãi nợ quá hạn 29.424.603 đồng, tổng cộng 113.129.580 đồng và tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: LV04018 ngày 15/4/2022 và hợp đồng số: LV04022 ngày 05/5/2022 kể từ ngày tiếp theo của ngày ban hành bản án.

[8] Về án phí: Anh Trần Văn Ú, chị Phạm Thị Cẩm N phải chịu 5.656.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 2.449.000 đồng tiền tạm ứng án phí Ngân hàng K đã nộp theo biên lai số 0004502 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 92 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 1 Điều 13 của Thông tư số 39 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K. Buộc anh Trần Văn Ú và chị Phạm Thị Cẫm N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 77.583.333 đồng, tiền lãi trong hạn chưa thanh toán 6.121.644 đồng, tiền lãi nợ quá hạn 29.424.603 đồng, tổng cộng 113.129.580 đồng và tiền lãi chậm thi hành án theo thỏa thuận tại tại hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số: LV04018 ngày 15/4/2022 và hợp đồng số: LV04022 ngày 05/5/2022.

- Về án phí:

+ Anh Trần Văn Ú, chị Phạm Thị Cẫm N phải chịu 5.656.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 2.449.000 đồng tiền tạm ứng án phí Ngân hàng K đã nộp theo biên lai số 0004502 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Trần Hữu Hà